

---

*(Theo mẫu tại phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM**

**NĂM 2013**



*Hải phòng, ngày 12 tháng 03 năm 2014*

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200453688
- Vốn điều lệ: 288.126.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 288.126.500.000 đồng
- Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
- Số điện thoại: 031.3836705
- Số fax: 031.3836104
- Website: www.viconship.com
- Mã cổ phiếu: VSC

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty là Công ty Container Việt Nam, chính thức thành lập ngày 27 tháng 7 năm 1985 theo quyết định số 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Số vốn ban đầu được Nhà nước giao tại thời điểm thành lập là 7,2 triệu đồng.

Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty ngay từ khi thành lập là: Cung cấp các dịch vụ về đại lý tàu biển, đại lý giao nhận cho các hãng tàu Container nước ngoài, bốc xếp, vận chuyển container, khai thác kho bãi... Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam tổ chức các hoạt động dịch vụ vận tải bằng container. Với phương châm tự tích lũy để phát triển, chuyển đổi phù hợp với nền kinh tế thị trường, Công ty đã trưởng thành về mọi mặt, quy mô sản xuất tăng đáng kể.

Năm 2002, Công ty tiến hành cổ phần hóa toàn bộ doanh nghiệp với tên gọi Công ty Cổ phần Container Phía Bắc theo quyết định số 183/TTG ngày 04 tháng 03 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Tháng 6 năm 2002, đổi tên thành Công ty Cổ phần Container Việt Nam.

Ngày 12/12/2007, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 172/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship) niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM. Ngày 09/01/2008 cổ phiếu Viconship đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán VSC và là công ty thứ 139 niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán T.P Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2002, được sửa đổi bổ sung lần thứ 15 vào ngày 18 tháng 07 năm 2013 với mã số doanh nghiệp : 0200453688.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### – Ngành nghề kinh doanh:

- + Khai thác cảng biển
- + Khai thác kho bãi
- + Vận tải bộ, vận tải sà lan

#### – Địa bàn kinh doanh:

Công ty hoạt động kinh doanh trên các địa bàn: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Tp Hồ Chí Minh. Trong đó, địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng doanh thu lớn là khu vực Hải Phòng.

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

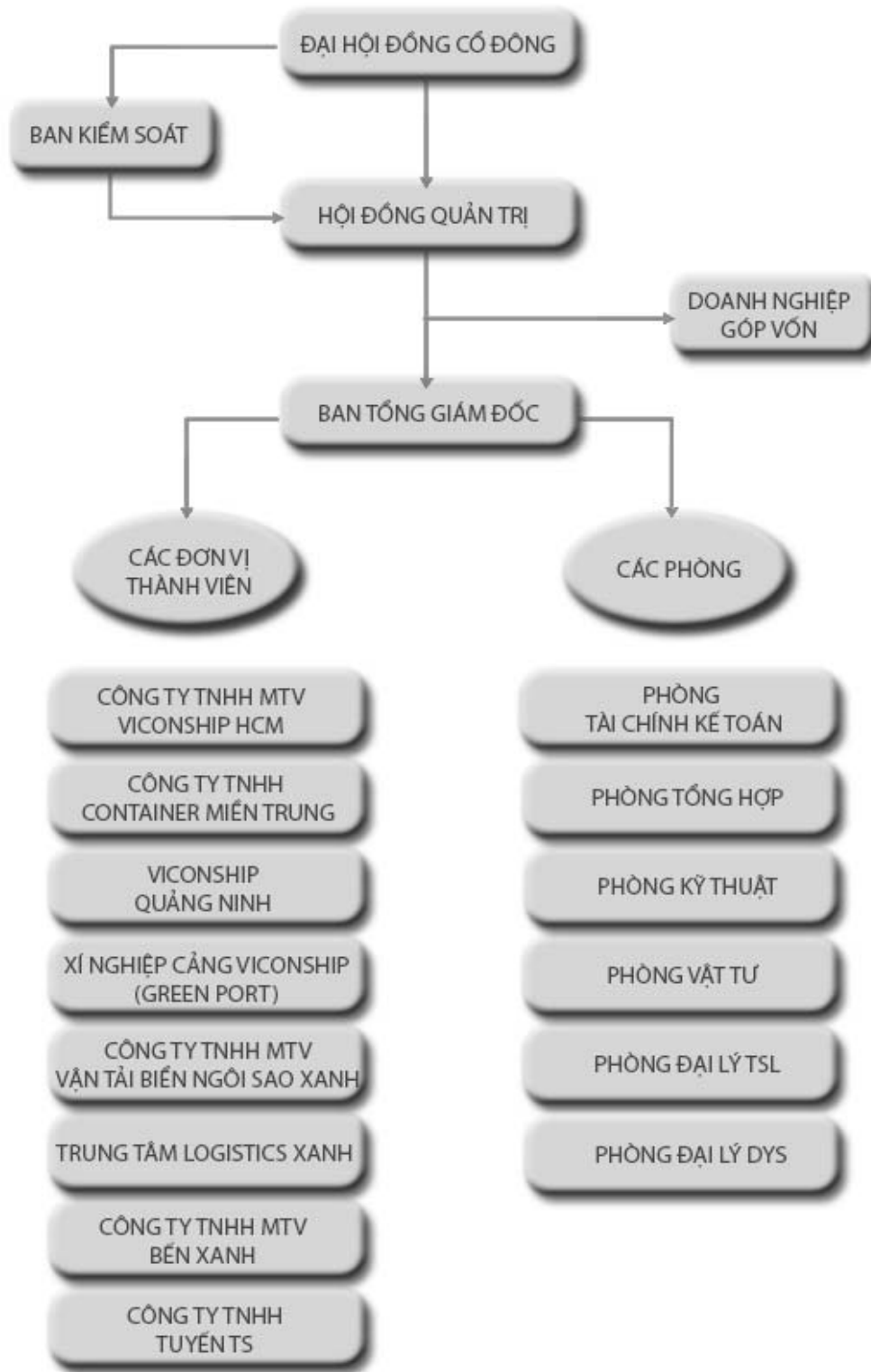
**– Mô hình quản trị:**

Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc; Các đơn vị Viconship góp vốn; Các đơn vị thành viên và các phòng ban chức năng.

**– Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Công ty cổ phần Container Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần container Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Container Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, định hướng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.



## – Các công ty con, công ty liên kết:

<i>Tên Doanh nghiệp</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Lĩnh vực KD chính</i>	<i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>Chiếm tỷ lệ</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Số 5 Võ Thị Sáu – Hải Phòng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	15.000.000.000	100%
Công ty TNHH Container Miền Trung	Số 75 Quang Trung – TP Đà Nẵng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	6.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Viconship Việt Nam	Số 2F Đường 4F Cư xá Ngân hàng – Tân Thuận – Q7 – TP HCM	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	6.000.000.000	100%
Công ty TNHH Tuyển T.S	Số 119 Điện Biên Phủ - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	Công ty con	Đại lý	200.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – thành phố Hải Phòng.	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	25.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – thành phố Hải Phòng.	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	90.000.000.000	100%
Công ty TNHH MSC Việt Nam	152 Nguyễn Lương Bằng – Quận 7 – TP HCM	Công ty liên kết	Đại lý, kho bãi	899.000.000	29%
Công ty CP Tiếp Vận Xanh	Số 2F Đường 4F Cư xá Ngân hàng – Tân Thuận – Q7 – TP HCM	Công ty liên kết	Bốc xếp, kho bãi	20.960.000.000	35%
Công ty TNHH Ngôi sao xanh tương lai	Số 1 Ngô Quyền – Đông Hải 1 – Hải An, TP Hải Phòng	Công ty liên doanh	Đại lý, kho bãi	3.061.716.000	49%
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Yết Kiêu – Phường Thọ Quang – Sơn Trà – Đà Nẵng	Công ty liên kết	Kho bãi	12.210.000.000	37%

## 5. Định hướng phát triển

### – Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Việc làm đó có ý nghĩa rất lớn trong việc đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty.

### – Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.

### – Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hóa của doanh nghiệp.

## 6. Các rủi ro:

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và biến động bất thường. Thị trường vận tải biển không ổn định. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### – Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và trong sự cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề, năm 2013 Công ty tiếp tục duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững và đạt được những kết quả rất khả quan trong sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thuần đạt 791,87 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 303,84 tỷ đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 8.394 đồng.

Hoạt động khai thác cảng biển vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

#### – Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2013	Năm 2012	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	791,87	654	121 %	791,87	779,42	102 %
Lợi nhuận trước thuế	303,84	214	142 %	303,84	290,06	105 %

Doanh thu và lợi nhuận tăng cao so với kế hoạch cũng như tăng so với năm 2012 chủ yếu là do hầu hết các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty đều giữ vững được mức tăng trưởng.

Tổng doanh thu thuần đạt 791,87 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2012, tăng 21% so với kế hoạch năm 2013.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 303,84 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2012, tăng 42% so với kế hoạch năm 2013.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### – Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc	0,12% Vốn điều lệ
Ông Lương Hoài Trân	Phó Tổng Giám đốc	0,58% Vốn điều lệ
Ông Hoàng Trọng Giang	Phó Tổng Giám đốc	0,30% Vốn điều lệ
Ông Nguyễn Thế Trọng	Phó Tổng Giám đốc	0,02% Vốn điều lệ
Ông Trần Xuân Bạo	Kế toán trưởng	0,22% Vốn điều lệ

#### *Tóm tắt lý lịch:*

#### **Ông Nguyễn Văn Tiến – Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc**

Ngày sinh: 19/11/1969

Nơi sinh: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Số CMND: 030969378

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 20/8B Cù Chính Lan, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Đình vũ (PSP).

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

#### **Ông Hoàng Trọng Giang – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc**

Ngày sinh: 02/10/1957

Nơi sinh: Thái Sơn, Kiến An, Hải Phòng

Số CMND: 024210058

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thái Sơn, An Lão, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 123 đường Huỳnh Tấn Phát khu phố 4, P. Tân Thuộc Đông,

Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (08) 8 248 226

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ máy hàn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

***Ông Lương Hoài Trân – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc***

Ngày sinh: 28/05/1955

Nơi sinh: Chiến Thắng, An Lão, Hải Phòng

Số CMND: 030197897

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Chiến Thắng, An Lão, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số nhà 9B Đoàn Xá, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế, thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

***Ông Nguyễn Thế Trọng – Phó Tổng Giám đốc***

Ngày sinh: 01/11/1978

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030980816

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cộng Hoà, Yên Hưng, Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 51/333 Văn Cao, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, cử nhân quản trị doanh nghiệp.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không



Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

**Ông Trần Xuân Bạo – Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng**

Ngày sinh: 25/10/1963

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030556364

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số nhà 15 An Đà, Lê Chân, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế.

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

– **Những thay đổi trong ban điều hành:** Không.

– **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

Công ty Cổ phần Container Việt Nam coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất

Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty là: 761 người. Thu nhập bình quân: 9.113.256 đồng / người-tháng.

**Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

*Chế độ làm việc:*

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

*Chính sách tuyển dụng, đào tạo:*

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên.

*Đối với lao động trực tiếp:*

Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại Công ty kết hợp cử những lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm tham dự các khoá đào tạo kiến thức, kỹ năng thực hiện các ngành nghề, dịch vụ mà công ty định hướng phát triển; thường xuyên cử các nhóm lao động đi tham quan học hỏi kinh nghiệm kinh doanh trong và ngoài nước, nhằm hoàn thiện hơn kỹ năng và trình độ của người lao động.

*Đối với lao động gián tiếp:*

Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

*Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:*

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

a) Các khoản đầu tư lớn:

Tổng giá trị đầu tư năm 2013 của Công ty là: 195,23 tỷ đồng, trong đó các khoản đầu tư lớn như sau:

- Xây dựng Trung tâm Logistics Xanh: 124,65 tỷ đồng, bao gồm tiền mua thêm 1ha đất, xây dựng kho, bãi và các công trình phụ trợ. Đầu tư thiết bị phục vụ khai thác Trung tâm Logistics Xanh: 33,25 tỷ đồng.

- Mua 13 đầu kéo và moóc chuyên dùng vận chuyển container với tổng giá trị: 16,62 tỷ đồng.

- Nâng cấp duy tu bãi, nạo vét khu nước, vũng quay tàu: 5,25 tỷ đồng.

- Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng: 12,2 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

**\* Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh**

- Mọi quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2013 như sau:

+ Doanh thu: 92,49 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 6,08 tỷ đồng

**\* Công ty TNHH Container Miền Trung**

- Mọi quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2013 như sau:

+ Doanh thu: 81,47 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 5,31 tỷ đồng

**\* Công ty TNHH MTV Viconship Việt Nam**

- Mọi quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2013 như sau:

+ Doanh thu: 18,81 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 1,23 tỷ đồng

**\* Công ty TNHH Tuyển TS**

- Mối quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: đại lý.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2013 như sau:

+ Doanh thu: 16,15 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 152 triệu đồng

**\* Công ty TNHH MTV Bến Xanh**

- Mối quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác kho bãi, bốc xếp hàng hóa, sửa chữa container.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2013 như sau:

+ Doanh thu: 44,37 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 14,61 tỷ đồng

**\* Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh**

- Mối quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh kho bãi, bốc xếp hàng hóa.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2013 như sau:

+ Doanh thu: 50,51 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 20,21 tỷ đồng

**\* Công ty TNHH MSC Việt Nam**

- Mối quan hệ: Công ty liên kết

- Lĩnh vực hoạt động chính: đại lý, khai thác kho bãi

- Năm 2013 đã ghi nhận số lợi nhuận do Công ty TNHH MSC Việt Nam chuyển về trên báo cáo tài chính là: 13.050.000.000 đồng

**\* Công ty CP Tiếp Vận Xanh**

- Mối quan hệ: Công ty liên kết

- Lĩnh vực hoạt động chính: bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi

**\* Công ty TNHH Ngôi sao xanh tương lai**

- Mối quan hệ: Công ty liên doanh

- Lĩnh vực hoạt động chính: đại lý, khai thác kho bãi
- Đây là Công liên doanh mới thành lập giữa Hãng tàu MSC và Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh (Công ty con của VSC).

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.054.558.829.822	1.132.563.451.593	7 %
Doanh thu thuần	779.416.783.610	791.874.942.807	2 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	286.221.103.238	301.488.729.755	5 %
Lợi nhuận khác	3.837.899.189	2.356.437.033	-39 %
Lợi nhuận trước thuế	290.059.002.427	303.845.166.788	5 %
Lợi nhuận sau thuế	228.628.955.159	240.460.994.911	5 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60 %	30 %	

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,06 lần	2,06 lần	
<b>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</b>			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,00 lần	2,02 lần	
<b>TSLĐ - Hàng tồn kho</b>			
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	28,18%	21,99%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	39,23%	28,19%	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	40,87 lần	38,13 lần	
<b>Giá vốn hàng bán</b>			
<b>Hàng tồn kho bình quân</b>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản :	73,91%	69,92%	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	29,33%	30,37%	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	30,19%	27,22%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	21,68%	21,23%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	36,72%	38,07%	

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 28.812.650 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 166.600 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 28.646.050 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 28.502.050 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 144.000 cổ phiếu (đây là số cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2012)

#### b) Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP năm giữ
1	<b>Tổ chức</b>	<b>54,76</b>	<b>15.778.007</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	47,52	13.691.742
	Tổ chức Việt nam	7,24	2.086.265
	<b>Cá nhân</b>	<b>45,24</b>	<b>13.034.643</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	1,48	426.448
	Cá nhân Việt nam	43,76	12.608.195
2	<b>Trong nước</b>	<b>51</b>	<b>14.694.460</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	7,24	2.086.265
	Cá nhân trong nước	43,76	12.608.195
	<b>Nước ngoài</b>	<b>49</b>	<b>14.118.190</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	47,52	13.691.742
	Cá nhân nước ngoài	1,48	426.448
3	<b>Phân loại khác</b>		
	<i>Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên</i>	<b>31,52</b>	<b>9.082.634</b>
	<i>Cổ đông Nhà nước</i>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<b>0,58</b>	<b>166.600</b>

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2013, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là: 4.774.148 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty từ: 240.385.020.000 đồng lên thành: 288.126.500.000 đồng.

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 166.000 cổ phiếu. Trong năm 2013 không phát sinh các giao dịch về cổ phiếu quỹ.

**e) Các chứng khoán khác: Không.****III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:

Kinh tế thế giới bước qua năm 2013 ghi nhận những chuyển biến đáng kể, tuy nhiên, khó khăn không phải đã hoàn toàn ở lại phía sau. Châu Âu đã giảm gánh nặng nợ công nhưng phục hồi và phát triển sẽ cần thêm nhiều nỗ lực chung của các nền kinh tế EU. Châu Á cũng gặp phải bất ổn từ hai quốc gia lớn nhất là Trung Quốc và Nhật Bản. Hoa Kỳ, nền kinh tế lớn nhất thế giới vướng vào các tranh chấp chính trị xung quanh vấn đề trần nợ công, chương trình Obamacare và mặc dù đã tạm thời được giải quyết nhưng dung hòa mọi vướng mắc chắc chắn sẽ cần thêm nhiều thời gian.

Việt Nam năm 2013 tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là tăng trưởng kinh tế, ổn định hệ thống tài chính - ngân hàng và thu chi ngân sách.

Lạm phát được kìm chế nhưng thị trường tài chính - ngân hàng bất ổn, nợ xấu cao làm giá cả sản phẩm, nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu tăng cao.

Thị trường vận tải biển không ổn định, hàng nhập khu vực phía Bắc chịu ảnh hưởng vào tình hình hàng hóa qua biên giới Việt – Trung. Năm 2013 tình hình hàng hóa quá cảnh qua cửa khẩu biên giới Việt Nam – Trung Quốc gần như đóng cửa cho đến quý 3.

Giá các dịch vụ cảng biển, kho bãi và vận tải giảm, trong khi sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt.

Mặc dù có một số khó khăn như vậy, nhưng mặt thuận lợi là Công ty luôn nhận được sự tín nhiệm của các cổ đông, sự ủng hộ của các khách hàng.

Doanh thu và lợi nhuận năm 2013 đạt mức tăng trưởng cao so với kế hoạch cũng như tăng so với năm 2012. Hầu hết các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty đều giữ vững được mức tăng trưởng.

Tổng doanh thu thuần đạt 791,87 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2012, tăng 21% so với kế hoạch năm 2013.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 303,84 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2012, tăng 42% so với kế hoạch năm 2013.

Để đạt được các chỉ tiêu cao như trên là do HĐQT, Ban TGD Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, có sự lãnh đạo sát sao trên nhiều mặt:

- Bám sát tình hình thị trường và có những quyết định phù hợp theo từng thời điểm, đẩy mạnh công tác tiếp thị và quảng bá hình ảnh của Công ty thông qua chất lượng dịch vụ, công tác xã hội.

- Đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng cung cấp chuỗi dịch vụ logistics, nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung trang thiết bị và lựa chọn quy mô phù hợp; kịp thời hoàn thiện đúng tiến độ

các hạng mục theo kế hoạch và đưa vào phục vụ sản xuất có hiệu quả và tạo được niềm tin đối với các Khách hàng, đặc biệt là kho bãi trung tâm logistics – GREEN LOGISTICS CENTER.

- Quản lý tốt các chi phí sản xuất, vật tư/phụ tùng, nhiên liệu, chi phí hành chính.

- Không ngừng tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả quản trị các hoạt động; quản trị tài chính, ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và điều hành.

- Hoàn thiện việc tái cấu trúc toàn Công ty trên ba miền Bắc – Trung – Nam và hoạt động theo mô hình Cty Mẹ - Con với hiệu quả cao, đặc biệt là công ty TNHH một thành viên Bến xanh (GREEN DEPOT).

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, đặc biệt là phong trào thi đua 6 tháng cuối năm; khuyến khích sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quản lý.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Năm 2013, Công ty tiếp tục giữ vững được quá trình tăng trưởng và phát triển. Thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng, tổ chức trong nước và quốc tế biết đến.

## **2. Tình hình tài chính**

### **a) Tình hình tài sản**

Tổng tài sản đầu kỳ là: 1.054,56 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 544,69 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 509,87 tỷ đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 1.132,56 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 493,46 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 639,10 tỷ đồng.

Trong năm Công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng các máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng; đồng thời thanh lý một số phương tiện vận tải đã cũ, lạc hậu. Tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

### **b) Tình hình nợ phải trả**

- **Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**

Nợ phải trả đầu kỳ là 297,17 tỷ đồng, cuối kỳ là: 249,04 tỷ đồng. Trong năm Công ty đã trả nợ trước hạn một phần khoản vay của Vietcombank Hải Phòng làm cho tổng nợ phải trả giảm.

- **Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.**

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Củng cố mô hình tổ chức sau khi tái cấu trúc toàn Cty và phù hợp với tình hình kinh doanh khi được làm tổng đại lý cho hãng tàu Dongyoung – Hàn Quốc từ tháng 7/2013. Hoàn thiện mô hình tổ chức cũng như nhân sự các Cty TNHH một thành viên theo hướng chuyên nghiệp để phục vụ.

Bổ sung, điều chuyển lao động giữa các đơn vị phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như mới ban hành. Là doanh nghiệp có nhiều Công ty thành viên được phân bổ trên cả ba khu vực Bắc – Trung – Nam với nhiều hoạt động đa dạng, HĐQT đã phân công cho một số thành viên HĐQT cũng như Ban TGD trực tiếp phụ trách mỗi khu vực, đơn vị để quản lý, giám sát trên cơ sở các điều lệ của các Công ty thành viên và các quy chế của Công ty cũng như luật doanh nghiệp.

Các quy trình quản lý, sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Các Công ty, đơn vị thành viên chủ động làm mới các quy trình phù hợp với đơn vị và theo hướng “chuyên nghiệp để phục vụ” của mỗi đơn vị.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất (trong năm có 47 sáng kiến cải tiến được đưa vào áp dụng và tiết kiệm hàng tỷ đồng, Công ty đã tổng kết, đánh giá và xét khen thưởng kịp thời).

Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Công ty. Trong năm 2013 Công ty đã đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo các nội dung:

- Quản lý: 16 người được cử đi học trong nước và nước ngoài.
- Chuyên môn nghiệp vụ: 18 người được cử đi học trong nước và nước ngoài.
- Ngoại ngữ: 40 người
- Huấn luyện định kỳ: 466 người

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động sản xuất chính của Công ty ổn định trên ba miền Bắc – Trung - Nam. Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững các khách hàng hiện tại và mời thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty trên toàn quốc Bắc – Trung – Nam”.

Lựa chọn hạng mục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất cho năm 2014 và các năm tiếp theo theo đúng văn hóa Công ty bằng cách liên doanh, liên kết, hợp tác với các đối tác tại Hải Phòng, Quảng Ninh, Móng Cái, Đà Nẵng, Quy Nhơn và Hồ Chí Minh. Các dự án đầu tư được phân theo thời gian: Ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn.

Đảm bảo năng suất, chất lượng dịch vụ và đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong quản lý cũng như sản xuất.

Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

Tiếp tục hoàn thiện các bước tái cấu trúc, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên và các Công ty liên doanh liên kết mà Công ty Cổ phần container Việt Nam nắm phần vốn chi phối ...

Quản lý tốt các chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, tỷ lệ cổ tức đạt từ 20% đến 30% và có tích lũy cần thiết để đầu tư và mở rộng sản xuất.

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.**

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2013 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sự thay đổi các quy định liên quan đến hàng quá cảnh qua biên và vận tải đường bộ; sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt; thị trường vận tải biên tiếp tục bất ổn, khu vực phía Bắc chịu ảnh hưởng vào tình hình hàng hóa qua biên giới Việt – Trung. Tuy nhiên tổng quan kết quả đã đạt được đánh dấu bước phát triển cao của Công ty và rất đáng khích lệ.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu, chi của Công ty, đảm bảo cân đối đủ vốn đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ cũng như các Công ty con, thực hiện đầy đủ chế độ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho Nhà nước.



Công tác tiếp thị làm thị trường được Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm với chiến lược giữ vững các khách hàng hiện tại và liên tục tiếp thị mời thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty trên toàn quốc Bắc – Trung – Nam, đặc biệt các mảng dịch vụ chính của Công ty như: dịch vụ cảng, kho, bãi và đại lý.

Công ty tiếp tục phát triển với tốc độ ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh cao: doanh thu tăng 2,3%, lợi nhuận tăng 4,7% so với thực hiện năm 2012. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2013 đạt 8.394 đồng.

Thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng, các tổ chức trong nước và quốc tế biết đến.

Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập cao.

Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh hết sức khả quan, đưa Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty theo sát tình hình thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất chính ổn định; đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu. Lựa chọn hạng mục đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai, từng bước đưa Công ty trở thành Công ty kinh doanh Logistics mang tầm cỡ quốc tế.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác
1	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch	1,53 %	Thành viên không điều hành	1
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên	0,12%	Thành viên điều hành	1
3	Ông Hoàng Trọng Giang	Ủy viên	0,30%	Thành viên điều hành	0
4	Ông Lương Hoài Trân	Ủy viên	0,58%	Thành viên điều hành	0
5	Ông Trần Xuân Bạo	Ủy viên	0,22%	Thành viên điều hành	0
6	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	0,79%	Thành viên không điều hành	0

7	Bà Hoàng Thị Hà	Ủy viên	0,36%	Thành viên điều hành	0
8	Ông Chada Gurudas Rajiv	Ủy viên	0,51%	Thành viên không điều hành	0

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới. HĐQT hiện nay của Công ty có 08 thành viên. Mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2013 HĐQT Công ty có 05 cuộc họp, nội dung và kết quả các cuộc họp thể hiện ở các nghị quyết, quyết định như sau:

Stt	Số văn bản	Nội dung
1	52A/NQ-HĐQT Ngày 15/03/2013	Cho ý kiến chỉ đạo về biện pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh của các đơn vị thành viên. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012.
2	64/2013.NQ.HĐQT Ngày 28/03/2013	Trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2012 cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Container Việt Nam với tỷ lệ cổ tức 20% mệnh giá cổ phiếu (2.000 đồng / 1 cổ phiếu). Thời gian thực hiện dự kiến quý 2/2013. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu từ lợi nhuận còn lại của năm 2012, theo phương án phát hành đã được ĐHCĐ Công ty thông qua ngày 16/03/2013. Thời gian thực hiện dự kiến quý 2/2013.
3	90/2013.QĐ.HĐQT Ngày 15/06/2013	Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên (6 tháng đầu năm) và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
4	104/2013.QĐ.HĐQT.2013 Ngày 12/08/2013	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013: – Doanh thu: 363,49 tỷ đồng – Lợi nhuận trước thuế: 126,87 tỷ đồng Đặt mục tiêu cho Ban điều hành Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 ĐHCĐ Công ty

		<p>giao trước 15 ngày và vượt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận 10%.</p> <p>Tiến hành đàm phán mua 37% cổ phần của Danalogs với giá tối đa là 11.000 đồng/CP.</p> <p>Tiếp tục thực hiện giai đoạn II xây dựng kho hàng hoá tại GLC, dự kiến đưa vào khai thác quý I năm 2014.</p> <p>Quyết định đầu tư bổ sung 5 xe vận tải mới cho Viconship Hồ Chí Minh.</p> <p>Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 mức 15% bằng tiền mặt, dự kiến thời gian thực hiện trong tháng 9 năm 2013.</p>
5	<p>116/2013-HĐQT-VSC</p> <p>Ngày 23/09/2013</p>	<p>Chào mua công khai Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên cổ phiếu chào mua: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng (DNL)</li> <li>- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông</li> <li>- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng</li> <li>- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào mua: 1.110.000 (một triệu một trăm mười ngàn) cổ phiếu, tương ứng với 37% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng</li> <li>- Giá chào mua: 11.000 đồng/cổ phiếu</li> <li>- Nguồn vốn thực hiện đợt chào mua: sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty</li> <li>- Thời điểm đăng ký chào mua và thời hạn dự kiến hoàn tất việc chào mua: trong vòng 30 đến 60 ngày, sau khi có chấp thuận bằng văn bản của UBCKNN về việc chào mua và Công ty đã công bố thông tin theo quy định của pháp luật</li> </ul>

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp thường kỳ cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

**e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

**f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm**

Các thành viên HĐQT đều có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty họp ngày 16/03/2013 đã bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Yên Hà là thành viên Ban Kiểm soát Công ty. Danh sách Ban Kiểm soát hiện thời:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban	0,17%
Ông Lâm Văn Tam	Ủy viên	0,12%
Bà Nguyễn Thị Yên Hà	Ủy viên	

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các qui chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2013.

Theo dõi tình hình qua các nghị quyết, quyết định, kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, quy trình nghiệp vụ của Công ty và các đơn vị thành viên.

Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo qui định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, người quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Xem xét các báo cáo tài chính của công ty, báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán.

Trong năm 2013, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Công ty chỉ chi tiền thưởng, thù lao theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2013 Công ty đã chi tiền thưởng, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và thư ký như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch HĐQT	215.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên H ĐQT	175.000.000
3	Ông Hoàng Trọng Giang	Ủy viên H ĐQT	150.000.000
4	Ông Lương Hoài Trân	Ủy viên H ĐQT	150.000.000
5	Ông Trần Xuân Bạo	Ủy viên H ĐQT	150.000.000

6	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	135.000.000
7	Bà Hoàng Thị Hà	Ủy viên HĐQT	150.000.000
8	Ông Chada Gurudas Rajiv	Ủy viên HĐQT	100.000.000
9	Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng BKS	80.000.000
10	Ông Lâm Văn Tam	Ủy viên BKS	80.000.000
11	Bà Nguyễn Thị Yên Hà	Ủy viên BKS	20.000.000
12	Ông Lê Thế Trung	Thư ký	80.000.000
13	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thư ký	80.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.565.000.000</b>

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2013 như sau:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch HĐQT	417.166	1,7%	367.166	1,5%	Giải quyết việc nhà.
2	Tổng Công Ty Hàng Hải Việt Nam	Nắm giữ phần vốn Nhà nước tại Cty	415.260	1,74%	0	0%	Tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư.

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** không có.

**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 2 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến 39.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với khoản mục đầu tư vào các công ty liên kết do tại ngày của báo cáo kiểm toán là ngày 25 tháng 2 năm 2013, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các công ty liên kết này.

## Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-116-b

*(Đã ký)*

---

Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0861-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 2 năm 2014

*(Đã ký)*

---

Nguyễn Tâm Anh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>493.460.334.578</b>	<b>544.693.701.582</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4	<b>281.725.141.654</b>	<b>46.856.015.142</b>
Tiền	111		59.262.074.154	46.856.015.142
Các khoản tương đương tiền	112		222.463.067.500	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	10	<b>60.857.070.180</b>	<b>330.605.224.390</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		69.107.070.180	345.230.224.390
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(8.250.000.000)	(14.625.000.000)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	5	<b>121.090.992.561</b>	<b>126.541.260.896</b>
Phải thu khách hàng	131		103.961.920.248	120.264.516.958
Trả trước cho người bán	132		15.697.380.802	5.226.644.148
Các khoản phải thu khác	135		2.503.694.205	2.416.984.656
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.072.002.694)	(1.366.884.866)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	6	<b>10.322.798.343</b>	<b>15.305.163.535</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.464.331.840</b>	<b>25.386.037.619</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		706.186.731	76.587.150
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.437.195.931	22.466.456.399
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.320.949.178	2.842.994.070
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>639.103.117.015</b>	<b>509.865.128.240</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>456.541.762.976</b>	<b>364.797.548.830</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	399.050.329.286	341.248.012.903
Nguyên giá	222		692.552.747.978	580.407.078.078
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(293.502.418.692)	(239.159.065.175)
Tài sản cố định vô hình	227	8	10.748.238.229	10.583.371.023
Nguyên giá	228		11.691.235.603	11.481.925.603
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(942.997.374)	(898.554.580)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	46.743.195.461	12.966.164.904
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	10	<b>41.630.716.000</b>	<b>24.920.716.000</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		37.130.716.000	24.920.716.000
Đầu tư dài hạn khác	258		4.500.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>140.930.638.039</b>	<b>120.146.863.410</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	140.334.760.539	119.281.852.310
Tài sản dài hạn khác	268		595.877.500	865.011.100
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.132.563.451.593</b>	<b>1.054.558.829.822</b>



	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>249.038.914.756</b>	<b>297.166.893.714</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>239.371.686.676</b>	<b>264.652.773.714</b>
Vay ngắn hạn	311	17	-	8.992.080.000
Phải trả người bán	312	12	78.750.215.602	79.968.674.276
Người mua trả tiền trước	313		2.852.044.762	2.243.360.781
Thuế phải nộp Nhà nước	314	13	21.414.823.490	18.748.538.226
Phải trả người lao động	315		29.824.020.725	45.147.335.049
Chi phí phải trả	316	14	9.159.480.253	5.372.704.125
Các khoản phải trả khác	319	15	58.091.205.407	74.124.191.663
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	39.279.896.437	30.055.889.594
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.667.228.080</b>	<b>32.514.120.000</b>
Phải trả dài hạn khác	333		728.600.000	1.125.100.000
Vay dài hạn	334	17	8.938.628.080	31.389.020.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>883.524.536.837</b>	<b>757.391.936.108</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	18	<b>883.524.536.837</b>	<b>757.391.936.108</b>
Vốn cổ phần	411	19	288.126.500.000	240.385.020.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		37.231.904.775	37.231.904.775
Cổ phiếu quỹ	414	19	(10.396.631.245)	(10.396.631.245)
Quỹ đầu tư và phát triển	417	21	310.151.868.629	251.349.616.292
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	24.038.502.000	21.031.402.360
Lợi nhuận chưa phân phối	420		234.372.392.678	217.790.623.926
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.132.563.451.593</b>	<b>1.054.558.829.822</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ - USD	1.838.595	427.553

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	22	<b>796.907.023.125</b>	<b>779.416.783.610</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	22	<b>5.032.080.318</b>	-
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	22	<b>791.874.942.807</b>	<b>779.416.783.610</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>488.633.411.620</b>	<b>511.543.995.751</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>303.241.531.187</b>	<b>267.872.787.859</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	15.623.778.062	45.215.832.457
Chi phí tài chính	22	24	(4.226.290.597)	(5.183.765.448)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	24	<i>1.464.647.334</i>	<i>1.180.092.400</i>
Chi phí bán hàng	24		3.309.877.785	59.443.361
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.342.992.306	31.991.839.165
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>288.438.729.755</b>	<b>286.221.103.238</b>
Thu nhập khác	31		4.406.399.516	5.582.892.652
Chi phí khác	32		2.049.962.483	1.744.993.463
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.356.437.033</b>	<b>3.837.899.189</b>
<b>Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết</b>	<b>45</b>		<b>13.050.000.000</b>	-
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)</b>	<b>50</b>		<b>303.845.166.788</b>	<b>290.059.002.427</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	25	<b>63.384.171.877</b>	<b>61.430.047.268</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>240.460.994.911</b>	<b>228.628.955.159</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	62		240.460.994.911	228.628.955.159
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	8.394	8.022

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Mã số	2013 VND	2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	901.054.658.883	997.245.277.907
Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(429.788.290.749)	(832.281.672.802)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(94.234.709.437)	(84.202.493.976)
Tiền chi trả lãi vay	04	(1.931.126.057)	(1.180.092.400)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(62.109.685.839)	(53.340.544.438)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	67.407.164.663	1.879.570.885.156
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(140.702.391.997)	(1.786.489.722.828)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>239.695.619.467</b>	<b>119.321.636.619</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(174.178.050.683)	(208.316.237.518)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	2.548.858.603	1.480.115.131
Tiền thu hồi từ việc cho vay và bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	274.149.150.745	94.794.138.624
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(15.653.027.921)	(10.362.754.309)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	2.378.640.699	153.579.617
Tiền thu lãi tiền gửi và cô tức	27	27.022.183.477	44.847.394.743
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>116.267.754.920</b>	<b>(77.403.763.712)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.440.000.000
Tiền vay dài hạn nhận được	33	-	40.381.100.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(31.622.800.000)	(846.193.473)
Cô tức đã trả cho cổ đông	36	(89.557.012.575)	(95.079.420.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(121.179.812.575)</b>	<b>(54.104.513.473)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>234.783.561.812</b>	<b>(12.186.640.566)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>46.856.015.142</b>	<b>59.052.383.447</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>85.564.700</b>	<b>(9.727.739)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>281.725.141.654</b>	<b>46.856.015.142</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### **Tóm tắt lịch sử hình thành Công ty**

Tiền thân của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là Công ty Container Việt Nam được thành lập vào ngày 27 tháng 7 năm 1985. Vào tháng 4 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa và trở thành công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Container Phía Bắc, sau được đổi tên thành Công ty Cổ phần Container Việt Nam.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

#### **Các đơn vị báo cáo**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và hai chi nhánh là Chi nhánh Quảng Ninh và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

Các công ty con	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2013	31/12/2012
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	100%	100%
Công ty TNHH Container Miền Trung	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Tuyến T.S	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	100%	100%

**% sở hữu  
và quyền biểu quyết  
31/12/2013 31/12/2012**

<b>Các công ty liên kết</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty TNHH MSC Việt Nam	29%	29%
Công ty Cổ phần Tiếp vận Xanh	35%	35%
Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	49%	49%
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	37%	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty và các công ty con có tổng cộng 742 nhân viên (31/12/2012: 773 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về việc tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con

trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### **(g) Tài sản cố định hữu hình**

#### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không

hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên định mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

## **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm	
máy móc và thiết bị	3 – 20 năm	
• dụng cụ văn phòng	3 – 7 năm	phương tiện vận chuyển 4 – 12 năm

## **(h) Tài sản cố định vô hình**

### **(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

### **(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

### **(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

## **(j) Chi phí trả trước dài hạn**

### **(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

### **(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

## **(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

### **(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### **(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin về ý nghĩa của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty và các công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

#### **(i) Tài sản tài chính**

***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:



- các khoản mà Công ty và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

### ***Tài sản sẵn sàng để bán***

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản cho vay và các khoản phải thu ; hoặc
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

#### ***Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### ***Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## **(o) Doanh thu**

### **(i) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

### **(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

## **(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## **(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## **(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vận tải container và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty liên kết của Công ty và các công ty con và các bên khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.291.594.688	2.209.712.642
Tiền gửi ngân hàng	57.970.479.466	44.646.302.500
Các khoản tương đương tiền	222.463.067.500	-
	<hr/>	<hr/>
	281.725.141.654	46.856.015.142
	<hr/>	<hr/>

**5. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>		
Thương mại	15.568.451.459	28.317.883.907
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi suất và có thể thu được khi yêu cầu.

**6. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	9.458.940.050	14.399.946.530
Công cụ và dụng cụ	10.996.333	30.570.478
Hàng hóa	852.861.960	874.646.527
	<hr/>	<hr/>
	10.322.798.343	15.305.163.535
	<hr/>	<hr/>

## 7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	191.067.644.298	31.472.553.146	354.581.836.182	3.285.044.452	580.407.078.078
Tăng trong năm	3.743.109.999	1.323.000.000	15.020.376.205	71.789.090	20.158.275.294
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	63.560.326.396	930.189.720	38.882.987.836	310.188.273	103.683.692.225
Thanh lý	(712.246.614)	(344.526.076)	(8.616.639.039)	(682.117.374)	(10.355.529.103)
Phân loại lại	(211.279.721)	963.413.279	(106.046.545)	(646.087.013)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(130.082.648)	(419.962.846)	(150.725.256)	(639.997.766)	(1.340.768.516)
Số dư cuối năm	257.317.471.710	33.924.667.223	399.611.789.383	1.698.819.662	692.552.747.978
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	67.724.928.526	2.848.462.512	165.956.294.766	2.629.379.371	239.159.065.175
Khấu hao trong năm	22.773.597.151	1.294.772.998	39.653.544.405	247.040.440	63.968.954.994
Thanh lý	(689.029.816)	(344.526.076)	(6.982.962.846)	(625.366.437)	(8.641.885.175)
Phân loại lại	364.017.224	223.241.167	(27.066.708)	(560.191.683)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(83.465.275)	(257.080.667)	(97.673.718)	(545.496.642)	(983.716.302)
Số dư cuối năm	90.090.047.810	3.764.869.934	198.502.135.899	1.145.365.049	293.502.418.692
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	123.342.715.772	28.624.090.634	188.625.541.416	655.665.081	341.248.012.903
Số dư cuối năm	167.227.423.900	30.159.797.289	201.109.653.484	553.454.613	399.050.329.286

(\*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 11).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 89.093 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 91.407 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 53.655 triệu VND (31/12/2012: 59.846 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	10.546.857.273	935.068.330	11.481.925.603
Tăng trong năm	-	110.000.000	110.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	123.310.000	123.310.000
Xóa sổ	-	(24.000.000)	(24.000.000)
Số dư cuối năm	10.546.857.273	1.144.378.330	11.691.235.603
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	898.554.580	898.554.580
Khấu hao trong năm	-	68.442.794	68.442.794
Xóa sổ	-	(24.000.000)	(24.000.000)
Số dư cuối năm	-	942.997.374	942.997.374
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	10.546.857.273	36.513.750	10.583.371.023
Số dư cuối năm	10.546.857.273	201.380.956	10.748.238.229

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 871 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 895 triệu VND).

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	12.966.164.904	22.519.481.355
Tăng trong năm	137.584.032.782	32.442.264.241
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(103.683.692.225)	(41.995.580.692)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(123.310.000)	-
Số dư cuối năm	46.743.195.461	12.966.164.904

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Mua xe đầu kéo	-	9.727.272.730
Xây dựng nhà kho và bãi chứa container	40.089.998.117	-
Các công trình khác	6.653.197.344	3.238.892.174
	46.743.195.461	12.966.164.904

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

	% quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư	
		<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết:			
▪ Công ty TNHH MSC Việt Nam	29%	899.000.000	899.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tiếp vận Xanh	35%	20.960.000.000	20.960.000.000
▪ Công ty TNHH Ngôi sao Xanh	49%		
Tương lai		3.061.716.000	3.061.716.000
▪ Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	37%	12.210.000.000	-
		37.130.716.000	24.920.716.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác:			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		4.500.000.000	-
		41.630.716.000	24.920.716.000



	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
▪ Cổ phiếu PSP	5.385.600	46.890.486.613	4.866.800	43.447.458.692
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		22.216.583.567		301.782.765.698
		<u>69.107.070.180</u>		<u>345.230.224.390</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(8.250.000.000)		(14.625.000.000)
		<u>60.857.070.180</u>		<u>330.605.224.390</u>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	14.625.000.000	-
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	21.350.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(6.375.000.000)	(6.725.000.000)
Số dư cuối năm	<u>8.250.000.000</u>	<u>14.625.000.000</u>

#### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	92.870.164.220	15.553.315.274	10.858.372.816	119.281.852.310
Tăng trong năm	-	27.899.597.194	25.102.046.190	53.001.643.384
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (*)	-	357.052.214	-	357.052.214
Phân bổ trong năm	(3.361.129.606)	(19.728.320.255)	(9.216.337.508)	(32.305.787.369)
Số dư cuối năm	<u>89.509.034.614</u>	<u>24.081.644.427</u>	<u>26.744.081.498</u>	<u>140.334.760.539</u>

(\*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình trong năm (Thuyết minh 7). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

### 12. Phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các bên liên quan		
▪ Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	310.167.000	-

Phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

### 13. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.370.799.247	925.571.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.208.779.375	13.934.293.337
Thuế thu nhập cá nhân	923.089.167	355.642.801
Các loại thuế khác	3.912.155.701	3.533.031.034
	21.414.823.490	18.748.538.226

### 14. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi vay phải trả	94.930.760	561.409.483
Chi phí tiền thuê đất	2.378.000.640	2.291.515.000
Chi phí phải trả khác	6.686.548.853	2.519.779.642
	9.159.480.253	5.372.704.125

**15. Các khoản phải trả khác**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	3.854.558.448	4.124.938.221
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.713.415.608	2.464.986.008
Các khoản thu hộ hãng tàu	38.892.009.882	58.000.250.569
Phải trả khác	8.631.221.469	9.534.016.865
	<hr/>	<hr/>
	58.091.205.407	74.124.191.663
	<hr/>	<hr/>

**16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	30.055.889.594	25.274.583.791
Trích lập từ lợi nhuận trong năm	22.050.515.182	19.095.669.716
Sử dụng trong năm	(12.826.508.339)	(14.314.363.913)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	39.279.896.437	30.055.889.594
	<hr/>	<hr/>

**17. Vay dài hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	8.938.628.080	40.381.100.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	-	(8.992.080.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	8.938.628.080	31.389.020.000
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

Vay từ	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Phòng	USD	6,5% (* )	2017	8.938.628.080	40.381.100.000
				<hr/>	<hr/>

(\*) Từ ngày 16 tháng 7 năm 2013, lãi suất của khoản vay được giảm xuống còn 4,5%/năm theo thông báo điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại là 53.655 triệu VND (31/12/2012: 59.846 triệu VND).

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	238.945.020.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	183.523.749.206	12.030.551.000	181.598.664.929	642.933.258.665
Phát hành cổ phiếu	1.440.000.000	-	-	-	-	-	1.440.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	228.628.955.159	228.628.955.159
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	67.825.867.086	9.000.851.360	(76.826.718.446)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.095.669.716)	(19.095.669.716)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(95.199.608.000)	(95.199.608.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.315.000.000)	(1.315.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	240.385.020.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	251.349.616.292	21.031.402.360	217.790.623.926	757.391.936.108
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	240.460.994.911	240.460.994.911
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	58.802.252.337	3.007.099.640	(61.809.351.977)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(22.050.515.182)	(22.050.515.182)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	47.741.480.000	-	-	-	-	(138.454.359.000)	(90.712.879.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.565.000.000)	(1.565.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	288.126.500.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	310.151.868.629	24.038.502.000	234.372.392.678	883.524.536.837

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	28.812.650	288.126.500.000	24.038.502	240.385.020.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	28.812.650	288.126.500.000	24.038.502	240.385.020.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	166.600	10.396.631.245	166.600	10.396.631.245
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông (*)	28.646.050	277.729.868.755	23.871.902	229.988.388.755

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

(\*) Trong các cổ phiếu đang lưu hành có 144.000 cổ phiếu ESOP phát hành cho cán bộ nhân viên của Công ty với điều khoản hạn chế chuyển nhượng trong vòng hai năm (đối với cổ phiếu do nhân viên nắm giữ) và năm năm (đối với phiếu do người giữ chức vụ từ phó trưởng phòng trở lên nắm giữ) kể từ ngày phát hành (ngày 25 tháng 10 năm 2012).

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	24.038.502	240.385.020.000	23.894.502	238.945.020.000
Cổ phiếu phát hành trong năm (**)	4.774.148	47.741.480.000	144.000	1.440.000.000
Số dư cuối năm	28.812.650	288.126.500.000	24.038.502	240.385.020.000

(\*\*) Ngày 16 tháng 3 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc trả cổ tức dưới dạng cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông của Công ty theo tỷ lệ 10:2 (với mỗi mười cổ phiếu đang nắm giữ, cổ đông được nhận thêm hai cổ phiếu). Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức được phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty tại ngày chốt danh sách là ngày 3 tháng 7 năm 2013. Cổ phiếu được phát hành theo nguyên

tắc: một cổ phiếu tương ứng với một quyền và cổ phiếu lẻ được làm tròn xuống hàng đơn vị, hàng thập phân sẽ bị hủy và coi như không thực hiện.

## 20. Cổ tức

Ngày 16 tháng 3 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 95.488 triệu VND (40% mệnh giá cổ phiếu), trong đó 47.744 triệu VND đã được tạm ứng trong tháng 12 năm 2012 và 47.744 triệu VND đã được trả trong tháng 3 năm 2013.

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 3 năm 2013 cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ cổ tức bằng 20% mệnh giá cổ phiếu. Ngày 3 tháng 7 năm 2013, Công ty đã phát hành 4.774.148 cổ phiếu để trả cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Tại cuộc họp ngày 10 tháng 8 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền trị giá 42.969 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

## 21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

### (a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

### (b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

## 22. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	796.907.023.125	779.416.783.610
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu:		
▪ Giảm giá dịch vụ cung cấp	5.032.080.318	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>791.874.942.807</b>	<b>779.416.783.610</b>

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	14.662.078.264	33.003.794.743
Cổ tức được chia	-	11.843.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	834.383.373	368.437.714
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	125.313.447	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.002.978	-
	15.623.778.062	45.215.832.457

**24. Chi phí tài chính**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.464.647.334	1.180.092.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	684.062.069	324.316.421
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	36.825.731
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(6.375.000.000)	(6.725.000.000)
	(4.226.290.597)	(5.183.765.448)

**25. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	59.151.942.047	58.930.047.268
Trích bổ sung chi phí thuế những năm trước	4.232.229.830	2.500.000.000
	63.384.171.877	61.430.047.268



**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	303.845.166.788	290.059.002.427
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	75.961.291.697	72.514.750.607
Ảnh hưởng của mức thuế suất ưu đãi	(9.529.428.862)	(10.076.256.587)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(41.627.615)	-
Miễn thuế, giảm thuế	(5.534.000.433)	(1.135.452.811)
Thu nhập không bị tính thuế	(3.262.500.000)	(2.960.900.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.558.207.260	587.906.059
Trích bổ sung chi phí thuế những năm trước	4.232.229.830	2.500.000.000
	<b>63.384.171.877</b>	<b>61.430.047.268</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp cảng Viconship trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và 25% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập của Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Tuyên T.S được giảm từ 25% xuống 20% do các công ty con này thỏa mãn điều kiện tổng doanh thu một năm nhỏ hơn 20 tỷ VND theo quy định của Nghị định 218/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Các công ty còn lại có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

## 26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm, được tính như sau:

### (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	240.460.994.911	228.628.955.159

### (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b> (theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	23.871.902	23.727.902
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào ngày 25 tháng 10 năm 2012	-	22.093
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào ngày 3 tháng 7 năm 2013	4.774.148	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	28.646.050	23.749.995

### (iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b> (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	240.460.994.911	228.628.955.159
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	28.646.050	23.749.995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.394	9.626

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

### (iv) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu

## cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trong năm 2013, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (xem Thuyết minh 20). Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	23.749.995	9.626
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2013	4.750.314	(1.604)
Số điều chỉnh lại	28.500.309	8.022

## 27. Các công cụ tài chính

### (a) Quản lý rủi ro tài chính

#### (i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty và các công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty và các công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty và các công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty và các công ty con gặp phải.

#### (ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát chính sách quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty và các công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh lỗ tài chính của Công ty và các công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	280.433.546.966	44.646.302.500
Các khoản đầu tư ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn)	(i)	22.216.583.567	301.782.765.698
Các khoản đầu tư dài hạn (tiền gửi có kỳ hạn)	(i)	4.500.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	105.393.611.759	121.314.616.748
		412.543.742.292	467.743.684.946

**(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty và các công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và các công ty con.

**(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty và công ty con liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc áp dụng chính sách bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trả tiền ngay đối với các khách hàng cá nhân. Hạn mức mua hàng hóa và dịch vụ trả chậm được thiết lập cho các khách hàng là công ty và đại lý khi có đảm bảo của ngân hàng hoặc tài sản đảm bảo.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và công ty con. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chưa quá hạn	105.393.611.759	121.314.616.748
Quá hạn trên 180 ngày	1.072.002.694	1.366.884.866
	106.465.614.453	122.681.501.614

Tại ngày báo cáo, Công ty và công ty con đã trích lập 100% dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn trên 180 ngày.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty và công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty và công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty và công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty và công ty con.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b> Triệu VND	<b>Dòng tiền theo hợp đồng</b> Triệu VND	<b>Trong vòng 1 năm</b> Triệu VND	<b>1 - 2 năm</b> Triệu VND	<b>2 - 5 năm</b> Triệu VND
<b>31/12/2013</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	142.780	142.780	142.780	-	-
Vay dài hạn	8.939	10.235	536	2.813	6.886
	151.719	153.015	143.316	2.813	6.886

	<b>Giá trị ghi sổ</b> Triệu VND	<b>Dòng tiền theo hợp đồng</b> Triệu VND	<b>Trong vòng 1 năm</b> Triệu VND	<b>1 - 2 năm</b> Triệu VND	<b>2 - 5 năm</b> Triệu VND
<b>31/12/2012</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	155.942	155.942	155.942	-	-
Vay dài hạn	40.381	46.053	10.856	10.810	24.387
	196.323	201.995	166.798	10.810	24.387

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty và các công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty và các công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty và các công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con, chủ yếu từ các giao dịch bằng Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty và các công ty con được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

### ***Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái***

Công ty và các công ty con có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.838.595	427.553
Đầu tư ngắn hạn	-	3.069.490
Phải thu khách hàng	15.096	19.406
Phải trả người bán	(450.726)	(269.629)
Vay dài hạn	(424.000)	(1.940.000)
	<hr/>	<hr/>
	978.965	1.306.820

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty và các công ty con áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
VND/USD	21.085	20.810

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty và các công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	309.622.155
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	407.923.863

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### (ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con chịu lãi suất thả nổi. Công ty và các công ty con không có chính sách nào để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty và các công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	307.150.130.533	346.429.068.198
<hr/>		
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(8.938.628.080)	(40.381.100.000)
<hr/>		

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 67 triệu VND lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty và các công ty con (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 303 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

### (iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty và các công ty con nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Hội đồng Quản trị phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

**(e) Giá trị hợp lý****(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
▪ Các khoản đầu tư ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn)	22.217	(*)	301.783	(*)
▪ Các khoản đầu tư dài hạn (tiền gửi có kỳ hạn)	4.500	(*)	-	-
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	281.725	281.725	46.856	46.856
▪ Phải thu khách hàng và phải thu khác	105.394	(*)	121.315	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
▪ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	46.890	(*)	43.447	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán và phải trả khác	(142.780)	(*)	(155.942)	(*)
▪ Vay dài hạn	(8.939)	(*)	(40.381)	(*)

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**28. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Trả cổ tức dưới dạng cổ phiếu phổ thông	47.741.480.000	-

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b> <b>trong năm kết thúc ngày</b>	
	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>		
▪ <b>Công ty TNHH MSC Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	86.236.122.834	112.107.628.345
Sử dụng dịch vụ	-	4.855.944.025
Nhận cổ tức	13.050.000.000	8.120.000.000
▪ <b>Công ty Cổ phần Tiếp vận Xanh</b>		
Nhận cổ tức	-	3.723.600.000
Mua cổ phiếu bằng tiền	-	960.000.000
▪ <b>Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai</b>		
Sử dụng dịch vụ	1.546.452.000	-
▪ <b>Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng</b>		
Mua cổ phiếu bằng tiền	12.210.000.000	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	2.170.686.956	1.918.396.903
<b>Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Tiền thưởng	1.565.000.000	1.315.000.000

### 30. Cam kết

#### (a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	57.850.088.911
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	11.759.126.752	-
	<u>11.759.126.752</u>	<u>57.850.088.911</u>

#### (b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	4.238.575.987	2.420.736.800
Trong vòng hai đến năm năm	13.471.021.777	11.155.325.727
Sau năm năm	19.125.959.080	26.578.690.411
	<u>36.835.556.844</u>	<u>40.154.752.938</u>

### 31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	92.877.975.694	60.001.696.337
Chi phí nhân công	99.183.895.029	113.131.542.148
Chi phí khấu hao	64.037.397.788	44.427.004.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.945.312.659	222.779.783.676
Chi phí khác	68.241.700.541	103.255.251.637

\* Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2013 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ : [www.viconship.com](http://www.viconship.com)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Tiên**